

Số: 01/2024/QĐST- HNGĐ

Tân Yên, ngày 09 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đoàn Thị Oanh

Thư ký phiên họp: Bà Dương Thị Hương- Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên họp:
Ông Vi Văn Cảnh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 19/2023/TLST-VDS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “ Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST- VDS ngày 26 tháng 12 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* anh Mùa A D, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Giáp Quốc M – Phó Chủ tịch UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang đại diện theo uỷ quyền theo văn bản ngày 08/12/2023 (có đơn xin vắng mặt)

+ Chị Thào Thị D1, sinh năm 1995 (có mặt).

+ Anh Giáp Văn M1, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn đề nghị giải quyết việc dân sự, bản tự khai, biên bản ghi lời khai của anh Mùa A D và tại phiên họp anh D trình bày: Anh kết hôn với chị Thào Thị D1, sinh năm 1995, quê ở bản B, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La vào ngày 10/9/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn chị Thào Thị D1 về làm dâu nhà anh, vợ chồng ở chung cùng với mẹ đẻ anh. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Thào Thị D1 có quan hệ với người đàn

ông khác. Năm 2018, chị D1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản B, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La ở một thời gian sau đó chị D1 xuống Bắc Giang làm việc. Đến năm 2020, chị D1 kết hôn với anh Giáp Văn M1 ở thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi chị Thảo Thị D1 đăng ký kết hôn với anh Giáp Văn M1 thì anh và chị Thảo Thị D1 chưa đến Tòa án huyện Y hay Tòa án nào khác để giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị D1. Năm 2022, anh có nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án huyện Y, tỉnh Sơn La nhưng do chị Thảo Thị D1 đã đăng ký kết hôn với anh Giáp Văn M1 vào năm 2020 tại UBND xã S nên không thể làm thủ tục ly hôn được. Đến nay, anh yêu cầu giải quyết việc huỷ đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa chị Thảo Thị D1 và anh Giáp Văn M1 theo giấy đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/5/2020 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh và chị Thảo Thị D1 có 02 con chung là Mùa Trường G, sinh ngày 13/12/2012 và Mùa A D2, sinh ngày 11/8/2015. Khi anh và chị Thảo Thị D1 không chung sống với nhau đã thống nhất để con chung cho anh nuôi dưỡng. Đến nay về con chung, tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết trong vụ án này, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

* Tại biên bản ghi lời khai của chị Thảo Thị D1 và tại phiên họp chị D1 trình bày: chị kết hôn với anh Mùa A D, sinh năm 1985 vào ngày 10/9/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn chị về làm dâu nhà anh D, vợ chồng ở chung cùng với mẹ anh D. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh D ghen tuông và đánh đập chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản B, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Đến khoảng năm 2019, chị đi làm công nhân ở khu công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì gặp anh Giáp Văn M1, chị có đăng ký kết hôn với anh M1 ngày 26/5/2020. Trước khi chị đăng ký kết hôn với anh Giáp Văn M1 thì chị và anh Mùa A D chưa đến Tòa án huyện Y hay Tòa án nào khác để giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh D vì lý do khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở thì gia đình chị đã trả lại tiền thách cưới và tiền nuôi con cho anh D, số tiền là 18.000.000 đồng. Theo như phong tục của địa phương như vậy chị và anh D không còn là vợ chồng nữa. Chị và anh Mùa A D chưa giải quyết ly hôn nhưng chị lại đăng ký kết hôn với anh Giáp Văn M1 nên chị đồng ý với yêu cầu của anh Mùa A D là huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Giáp Văn M1 theo giấy đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/5/2020 tại UBND xã Song Vân theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chị và anh Mùa A D có 02 con chung là Mùa Trường G, sinh ngày 13/12/2012 và Mùa A D2, sinh ngày 11/8/2015. Khi chị và anh Mùa A D không chung sống với nhau đã thống nhất để con chung cho anh D nuôi dưỡng. Đến nay về con chung, tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết trong vụ án này.

Chị và anh Giáp Văn M1 có 01 con chung là Giáp Thị Tường V, sinh ngày 1/10/2020, hiện cháu V đang ở với chị và anh M1. Chị không yêu cầu giải quyết về con chung giữa chị và anh M1 trong vụ án này, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

* Tại bản tự khai của anh Giáp Văn M1 và tại phiên họp anh M1 trình bày:

ngày 26/5/2020, anh có kết hôn với chị Thảo Thị D1, sinh năm 1995, quê ở bản B, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Trước khi kết hôn anh và chị D1 đi làm công nhân và được tìm hiểu anh có được biết chị D1 đã đăng ký kết hôn với anh Mùa A D nhưng chị D1 nói là đã giải quyết ly hôn với anh D. Sau khi anh và chị D1 đăng ký kết hôn thì chị D1 về chung sống cùng anh và gia đình tại thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đến nay, anh Mùa A D và chị Thảo Thị D1 chưa giải quyết ly hôn. Anh D yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Thảo Thị D1 và anh theo giấy đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/5/2020 tại UBND xã S, huyện T thì anh đồng ý theo yêu cầu của anh D.

Anh và chị Thảo Thị D1 có một con chung là Giáp Thị Tường V, sinh ngày 1/10/2020, hiện cháu V đang ở với anh và chị D1. Anh không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung giữa anh và chị D1 trong vụ án này, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

* Tại biên bản làm việc với ông Giáp Quốc M – Phó Chủ tịch UBND xã S, huyện T trình bày: ngày 26/5/2020, UBND xã S, huyện T có đăng ký kết hôn cho chị Thảo Thị D1, sinh ngày 20/5/1995 và anh Giáp Văn M1, sinh ngày 17/5/1995, có số đăng ký 23 tại sổ đăng ký còn lưu trữ tại UBND xã S. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị D1 và anh M1, chị D1 có nộp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 08/UBND- XNTTHN ngày 19/5/2020 của UBND xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; bản phô tô giấy chứng minh nhân dân của chị D1 và anh M1. Ủy ban nhân dân xã S, huyện T không biết việc trước đó chị Thảo Thị D1 có đăng ký kết hôn với anh Mùa A D, sinh năm 1985 ở bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La. Nay anh Mùa A D yêu cầu huỷ đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa chị Thảo Thị D1 và anh Giáp Văn M1 theo giấy đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/5/2020 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang thì UBND xã S, huyện T đồng ý huỷ kết hôn theo quy định của pháp luật, tại phiên họp ông M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của anh Mùa A D, huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Thảo Thị D1 và anh Giáp Văn M1 theo giấy đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/5/2020 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về lệ phí: miễn lệ phí giải quyết việc dân sự cho anh Mùa A D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết: anh Mùa A D là chồng của chị Thảo Thị D1 yêu cầu giải quyết huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Thảo Thị D1 và anh Giáp Văn M1 theo giấy đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/5/2020 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang đối với chị Thảo Thị D1, nơi cư trú: thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải quyết yêu cầu việc dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại

khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết việc dân sự đại diện Ủy ban nhân dân xã S có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt đại diện Ủy ban nhân dân xã S là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu của anh Mùa A D đề nghị Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Thảo Thị D1 và anh Giáp Văn M1.

Theo các tài liệu liên quan do đương sự cung cấp và lời khai của đương sự xác nhận: anh Mùa A D và chị Thảo Thị D1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La vào ngày 10/9/2014. Kể từ sau khi anh D và chị D1 đăng ký kết hôn cho đến ngày 26/5/2020, chị D1 lại đăng ký kết hôn với anh Giáp Văn M1 tại UBND xã S, huyện T thì chị Thảo Thị D1 và anh Mùa A D chưa đến Tòa án nhân dân huyện Yên Châu hay Tòa án nào khác để làm thủ tục ly hôn theo quy định của pháp luật. Nay anh Mùa A D có đơn đề nghị huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Thảo Thị D1 và anh Giáp Văn M1. Xét thấy, anh Mùa A D yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Thảo Thị D1 và anh Giáp Văn M1 và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang là có căn cứ theo Điều 5, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Thảo Thị D1 là người đang có chồng mà kết hôn với anh Giáp Văn M1. Do vậy, yêu cầu của anh Mùa A D có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung: anh D, chị D1, anh M1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: anh Mùa A D phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng anh D thuộc hộ nghèo nên được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại tiền tạm ứng lệ phí cho anh Mùa A D.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Mùa A D.

Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Thảo Thị D1 và anh Giáp Văn M1 theo giấy đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Về con chung, tài sản chung: anh Mùa A D, chị Thảo Thị D1, anh Giáp Văn M1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh Mùa A D được miễn lệ phí giải quyết

việc dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Mùa A D 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu số 0006600 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết quyết định.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- Người yêu cầu; Người CQLVLQ;
- UBND xã Song Vân;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Đoàn Thị Oanh